

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30/06/2020
V/v: Tranh chấp về hôn nhân
và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hương Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thế Hanh

Ông Lê Thanh Miên

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa: ông Ong Văn Chúc - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 06 năm 2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020, về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2020/QĐXX ST- HNGĐ ngày 06 tháng 04 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị L, sinh năm 1996 (Có mặt)

HKTT: thôn Mai Hạ, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở: thôn Sông Hóa 2, xã Vũ Lăng, huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Bị đơn: Anh Đào Hữu Đ, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Mai Hạ, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Anh Đào Hữu Đ đã được Tòa án triệu tập hợp L hai lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 31/01/2020 và bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Dương Thị L trình bày: Chị và anh Đào Hữu Đ kết hôn ngày 18/11/2013, trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Sau khi cưới chị về nhà anh Đ làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình anh Đ ngay. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng phát

sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung trong làm ăn kinh tế cũng như nuôi dạy con cái. Anh Đ không chăm lo đến gia đình, chơi bời chị đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ ngày 24/12/2018 đến nay không ai quan tâm đến ai, vợ chồng đã được hai gia đình tiến hành hòa giải nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh Đào Hữu Đ không còn, vợ chồng không thể về đoàn tụ được chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đào Hữu Đ.ê1

Về con chung: Chị L xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Đào Hữu Đô, sinh ngày 06/10/2013 và cháu Đào Hữu Đình, sinh ngày 18/02/2015, hiện nay con chung đang ở với anh Đ. Tại đơn xin ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung nhưng đến nay do hai cháu đang có cuộc sống ổn định và phát triển bình thường và gia đình anh Đ cũng đề nghị giữ nguyên tình trạng con chung như hiện nay để hai cháu có anh có em. Hơn nữa, cũng do điều kiện sinh sống của chị hiện nay gặp khó khăn do chị làm công nhân phải thuê trọ và anh Đ cũng từng nói với chị vợ chồng ly hôn thì giữ nguyên tình trạng con chung như hiện nay. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giao hai con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng và chị không phải đóng góp nuôi con chung cùng anh Đ.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất và các quan hệ khác: Chị xác định vợ chồng không có, ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đào Hữu Đ mặc dù đã được Tòa án thông báo thụ lý và triệu tập hợp L nhiều lần nhưng không có ý kiến, văn bản gửi lên Tòa án cũng không lên Tòa án để làm việc. Vì vậy Tòa án không tiến hành lấy lời khai được.

Tại phiên tòa, KSV phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật. Đại diện VKS đề nghị HĐXX áp dụng: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, L phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị L được ly hôn với anh Đào Hữu Đ

Về con chung: Giao anh Đào Hữu Đ được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là cháu Đào Hữu Đô, sinh ngày 06/10/2013 và cháu Đào Hữu Đình, sinh ngày 18/02/2015. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ cho đến khi đương sự có yêu cầu. Chị Dương Thị L được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Dương Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, L phí Tòa án số AA/2018/0003560 ngày 04/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị Dương Thị L đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 30/01/2020 của chị Dương Thị L đây xác định là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Đào Hữu Đ đã được Toà án triệu tập hợp L đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là anh Đ và có căn cứ.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mai Đình, Hiệp Hòa, Bắc Giang được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của chị L Hội đồng xét xử thấy rằng: Qua các chứng cứ do các bên xuất trình, lời khai của chị L tại phiên toà thì vợ chồng chị L, anh Đ từ khi kết hôn có thời gian chung sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ chơi bời, không chăm sóc cho gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, vợ chồng không có tiếng nói chung trong làm ăn kinh tế cũng như nuôi dạy con cái. Hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 12 năm 2018 đến nay, đã cắt đứt quan hệ tình cảm, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa. Hơn nữa địa phương cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Đ không thể hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ được. Bà Đào Thị Khương là mẹ đẻ của anh Đ đã cung cấp cho Toà án về việc điều kiện kết hôn và tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh Đ như lời trình bày của chị L là đúng. Bà cũng xác nhận do anh Đ có ham chơi nên vợ chồng có xích mích với nhau, hai gia đình đã tiến hành hòa giải nhưng không thành. Anh Đ mặc dù đã được Tòa án tiến hành thông báo và triệu tập nhiều lần nhưng không gửi văn bản ý kiến của mình lên Tòa án cũng không lên Tòa án làm việc với Tòa án. Vì thế, cần xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L với anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần thiết xử cho chị L được ly hôn với anh Đ là có căn cứ.

[3]. *Về con chung*: anh Đ và chị L có 02 con chung là Đào Hữu Đô, sinh ngày 06/10/2013 và Đào Hữu Đình, sinh ngày 18/02/2015. Nay vợ chồng ly hôn, theo nguyện vọng của anh Đ và gia đình anh Đ được nuôi hai con chung và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa chị L cũng nêu rõ hiện nay chị đi làm công nhân, lương tháng không ổn định và chị đang ở trọ không có chỗ ở ổn định để đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho con chung nên chị cũng đồng ý giao hai con chung cho anh Đ nuôi dưỡng. HĐXX xét xử nhận thấy, từ khi chị L bỏ đi hai con chung vẫn sống chung cùng anh Đ và gia đình anh Đ, hai cháu mạnh khỏe và phát triển bình thường. Điều kiện sinh hoạt của hai cháu đảm bảo về vật chất và tinh thần tốt nên cần giữ nguyên tình trạng con chung như hiện nay là có căn cứ. Vì vậy, cần tiếp tục giao hai cháu Đào Hữu Đô, sinh ngày 06/10/2013 và Đào Hữu Đình, sinh ngày 18/02/2015 cho anh Đào Hữu Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và không buộc chị L phải có trách nhiệm đóng góp phí tổn nuôi dưỡng chung cùng anh Đ là có căn cứ. Chị L được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4]. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất, ruộng đất và các quan hệ khác*: Chị L xác định vợ chồng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị Dương Thị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, L phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị L được ly hôn với anh Đào Hữu Đ.

Về con chung: Giao anh Đào Hữu Đ được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung Đào Hữu Đô, sinh ngày 06/10/2013 và Đào Hữu Đình, sinh ngày 18/02/2015. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ cho đến khi các đương sự có yêu cầu. Chị Dương Thị L được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Dương Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, L phí Tòa án số AA/2018/0003560 ngày 04/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị Dương Thị L đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THA DS huyện Hiệp Hòa;
- đương sự;
- Lưu.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HOÀNG THỊ HƯƠNG LAN

